

TÁC ĐỘNG CỦA CÁC YẾU TỐ TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI ĐẾN TÌNH TRẠNG TẢO HÔN VÀ HÔN NHÂN CẬN HUYẾT THỐNG TRONG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH QUẢNG BÌNH

NGUYỄN LƯƠNG CƯƠNG
Ban Dân tộc tỉnh Quảng Bình

Lịch sử định cư và sự phân bố dân cư hiện nay của đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Bình

Hiện nay sự phân bố dân cư của 2 dân tộc thiểu số chính ở tỉnh Quảng Bình cơ bản ổn định, trong đó: dân tộc Bru - Vân Kiều phân bố tại các xã Kim Thủy (huyện Lệ Thủy), Trường Sơn (huyện Quảng Ninh), Thượng Trạch (huyện Bố Trạch), Dân Hóa, Trọng Hóa (huyện Minh Hóa); dân tộc Chứt phân bố tại các xã Tân Trạch (huyện Bố Trạch), Thượng Hóa, Hóa Tiến, Hóa Sơn, Dân Hóa, Trọng Hóa (huyện Minh Hóa), Lâm Hóa, Thanh Hóa (huyện Tuyên Hóa). Các dân tộc khác sống rải rác, xen ghép ở các địa bàn cư trú của 2 dân tộc này.

Định cư trên đất Quảng Bình, các dân tộc thiểu số có một quá trình dài. Các tài liệu hiện có đã phản ánh khá rõ quá trình này.

“Ở vùng núi miền Tây tỉnh Quảng Bình hiện có nhiều tộc người khác nhau cùng cộng cư, trong đó người Chứt được coi là lớp cư dân có mặt sớm nhất. Tiếp đến là bộ phận cư dân nói ngôn ngữ Môn - Khmer: Khùa, Ma Coong, Trì, Vân Kiều từ Lào sang và từ Quảng Trị ra trong nhiều thời kỳ lịch sử”.⁽¹⁾



Bản người Rục hiện nay

Ảnh: **N.L.C**

Trong 2 dân tộc thiểu số chính ở Quảng Bình, người Chứt (gồm các tộc Sách, Rục, Mày, Arem, Mã Liềng) đã chuyển cư lên vùng núi cao phía Tây Bắc Quảng Bình. “Bộ phận cư dân này do nhiều nguyên nhân, buộc phải phân ly tộc người thành các nhóm nhỏ, bị xô đẩy lên núi cao sinh sống biệt lập nhau, vào một hoàn cảnh địa lý khó có điều kiện phát triển trong nhiều thế kỷ, nên các nhóm này phải chịu một quá trình thoái hóa rất rõ rệt về nhiều mặt, đặc biệt là về văn hóa vật chất”.⁽²⁾

“Người Sách, người Rục trước đây cư trú ở Quảng Trạch, Bố Trạch. Thời Hồng Đức (1470-1459), người Việt (Kinh) từ Thanh Hóa,

^{(1),(2)}Trần Hùng, Nguyên Trưởng ban Dân tộc tỉnh Quảng Bình: Mấy suy nghĩ về dân tộc Chứt ở tỉnh Quảng Bình.

Nghệ Tĩnh di cư vào Quảng Trạch, Bố Trạch đã thấy có người Sách, Rục có mặt ở đây. Về sau vì giặc dã và nhiều biến cố khác, họ đã phải chạy lên nương náu ở vùng phía Tây và chuyển dần vào núi cao.

Như vậy, từ xa xưa, do tác động của lịch sử có một bộ phận của một cộng đồng người sinh sống ổn định trên một địa bàn vùng trung du tỉnh Quảng Bình, lấy nông nghiệp trồng lúa làm nghề sống chủ yếu phải chạy lên vùng rừng núi, phân tán thành những nhóm nhỏ, sống trong các hang động, mái đá, chịu sự chi phối của điều kiện sống mới vô cùng khắc nghiệt đó là dân tộc Chứt ở miền Tây Quảng Bình”.⁽³⁾

Hiện nay, sự phân bố dân cư của các nhóm người Sách, Mày, Mã Liềng, Rục, Arem ở tỉnh Quảng Bình chủ yếu tập trung ở địa bàn miền núi 3 huyện: Minh Hóa, Tuyên Hóa, Bố Trạch, địa bàn cư trú của mỗi tộc người cũng có sự khu biệt nhất định. Điểm dừng chân xa nhất về phía Bắc và Tây Bắc trên đất Quảng Bình của dân tộc Chứt là huyện Minh Hóa và huyện Tuyên Hóa thuộc các nhóm Mày, Mã Liềng, Sách. Điểm xa nhất về phía Nam là người Arem, thuộc xã Tân Trạch (huyện Bố Trạch). Chính sự khu biệt giữa các tộc người đã làm cho sự liên kết của đồng đồng dân tộc Chứt hết sức lỏng lẻo. Có thể nói rằng: nơi cư trú của mỗi tộc người của dân tộc Chứt dường như là một lãnh địa riêng biệt. Người Arem bao đời nay cũng chỉ quanh quẩn địa bàn xã Tân Trạch, người Mã Liềng ở bản Lòm xã Trọng Hóa, sau này một bộ phận di chuyển đến xã Lâm Hóa, Thanh Hóa (huyện Tuyên Hóa), người Mày ở xã Dân Hóa, người Sách cư trú trên địa bàn tương đối rộng và có xu hướng hướng ngoại.

Nhóm Bru - Vân Kiều cư trú địa bàn liên hoàn ở cả hai vùng biên giới Việt - Lào ở miền

Trung, từ miền Tây Quảng Bình và Quảng Trị, tiếp giáp với miền đông tỉnh Khăm Muộn và Savannakhet.

Do quá trình lịch sử có những diễn biến... nên giữa nhóm Bru - Vân Kiều bên Lào và Việt Nam có mối quan hệ chặt chẽ, họ qua lại du canh du cư, là vấn đề bình thường. Nhất là đầu thế kỷ XIX, giặc Xiêm sang quấy phá nhiều lần, bắt thuế, quét dân nên Người Bru - Vân Kiều sang lánh nạn tại miền Tây Quảng Bình và Quảng Trị với những người đồng tộc. Yên họ lại sang. Khi những nhóm người Bru - Vân Kiều di cư dần xuống phía Tây thì người Bru - Vân Kiều miền Tây Quảng Bình lại di cư sang lập chỗ ở ở vùng phía Đông Lào.⁽⁴⁾

Tác động của yếu tố tự nhiên đến phân bố dân cư đồng bào dân tộc thiểu số

Địa hình và đất đai là yếu tố quyết định đến sự phân bố dân cư. Miền núi tỉnh Quảng Bình chiếm tới 85% diện tích tự nhiên, trong đó chủ yếu là núi thấp và núi trung bình có độ cao dưới 1.000m; núi cao trên 1.000m chiếm khoảng 1% diện tích, địa hình núi cao có đỉnh nhọn, sắc, chia cắt sâu, nhiều núi có độ dốc lớn, nhiều nơi đá gốc lộ ra, nhiều khu vực cấu tạo bởi núi đá vôi hiểm trở, đi lại khó khăn. Đây là những khu vực có thời tiết, khí hậu khắc nghiệt, mùa hè chịu ảnh hưởng mạnh của gió phơn Tây - Nam (gió Lào). Ở những thung lũng thì thường ngập lụt về mùa mưa, đôi khi xảy ra lũ quét; cũng thường hạn hán, thiếu nước về mùa khô. Mặt khác đây cũng là những khu vực đầu nguồn sông suối, cho nên việc sử dụng khai thác nguồn nước không thuận lợi, các hiện tượng lũ quét, trượt lở đất, xói mòn, rửa trôi đất đai gây ra rất nhiều khó khăn cho sản xuất kinh tế và đời sống của người dân. Với lịch sử định cư khá lâu đời, việc khai thác lãnh thổ ở những vùng có điều kiện tự nhiên

⁽³⁾ Trần Hùng, Nguyên Trưởng ban Dân tộc tỉnh Quảng Bình: Mấy suy nghĩ về dân tộc Chứt ở tỉnh Quảng Bình.

⁽⁴⁾ Hoài Nguyên, Lào: Đất nước - con người. Nxb Thuận Hóa, 1977.



Đường vào các bản Ra Mai, Pa Choàng, Sy, Lòm, xã Trọng Hóa, huyện Minh Hóa

Ảnh: **N.L.C**

khó khăn này đã tạo nên những nét văn hóa riêng, người dân nơi đây có những phong tục, tập quán khó thay đổi do điều kiện đi lại giao lưu, du nhập văn hóa chậm.

Trong điều kiện địa hình, đất đai không thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt, khu vực này có dân cư thưa thớt. Miền đồi núi trung du phía Tây Quảng Bình rộng, nhưng chỉ tập trung chưa tới 30% dân số của tỉnh. Mật độ trung bình chưa tới 50 người/km².

Người dân ở khu vực miền núi trong quá trình di dịch cư tìm đến những nơi có điều kiện thuận lợi hơn để sinh sống.

Trước đây và một bộ phận không nhỏ đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay, sử dụng lúa rẫy làm lương thực chính. Họ tìm đến những nơi có đất rừng màu mỡ, có nguồn nước sinh hoạt để sinh sống. Sản xuất nương rẫy quyết định đến việc cư trú của đồng bào. Địa hình hiểm trở, chia cắt, độ dốc khá lớn nên sự phân bố dân cư thưa thớt, biệt lập, phân tán theo từng cụm,

trước đây còn nhiều bản du canh du cư.

Khí hậu, nguồn nước là nhân tố tự nhiên có ảnh hưởng rõ nét nhất đến sự phân bố dân cư. Nói chung, nơi có khí hậu ấm áp, ôn hòa, nguồn nước phong phú dễ khai thác thường thu hút đông dân cư, còn những nơi khí hậu khắc nghiệt (nóng quá hoặc lạnh quá), nguồn nước khó tìm, xa nơi ở thì sẽ ít hấp dẫn con người đến sống. Miền ven biển, đồng bằng mát mẻ phù hợp với trồng trọt, canh tác vì vậy dân cư tập trung đông đúc; ở vùng núi cao, các hiện tượng thời tiết bất lợi thường xảy ra như sương muối, mưa đá, lũ bùn, lũ quét, xói lở, đất trượt... có thể gây ra các đợt đông, lốc tố hay mưa đá tác hại không nhỏ vì vậy dân cư thưa thớt, chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số đã định cư từ lâu đời. Việc giao lưu, đi lại giữa các cụm dân cư lại khó khăn nên ít giao lưu với các cụm dân cư khác và dân cư ở miền đồng bằng. Mỗi tộc người có một địa bàn cư trú riêng. Trong mỗi tộc có một số dòng họ chính, một số

có quan hệ huyết thống.

Về cơ bản, trước đây và một phần lớn hiện nay, người Sách, Mày, Rục, Arem, Mã Liềng đều lấy kinh tế nương rẫy làm nguồn sống chủ yếu. Xuất phát từ kinh tế nương rẫy với đặc tính tự cấp, tự túc, đóng kín. Quan hệ kinh tế này đã tác động, chi phối quan hệ xã hội của người Chứt. Vì vậy, sự mở rộng giao lưu giữa các tộc người trong cộng đồng dân tộc Chứt hết sức lỏng lẻo. Mỗi quan hệ xã hội của các tộc người này dường như bị chi phối bởi quan hệ nội tại, sự quan hệ nội tại trong một tộc người lớn hơn nhiều so với mối quan hệ giữa các tộc trong cộng đồng dân tộc Chứt. Tập tục canh tác này đã chi phối phần lớn nếp nghĩ và cách làm của họ. Cư dân nương rẫy thường thiếu ăn, các vấn đề về văn hóa, xã hội còn những khó khăn, bất cập nhất là ở các bản vùng sâu, biên giới. Tàn dư lạc hậu vẫn còn tồn tại.⁽⁵⁾

Mặc dù nguyên nhân của tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu là do các yếu tố lịch sử, văn hóa để lại và chịu tác động sâu sắc của hoàn cảnh kinh tế - xã hội. Tuy nhiên con người cũng là một bộ phận tồn tại trong thể tổng hợp tự nhiên và kinh tế - xã hội, vừa là chủ thể tác động đến tự nhiên nhưng đồng thời cũng chịu ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, môi trường thiên nhiên ở những mức độ khác nhau. Không tác động trực tiếp nhưng các yếu tố địa hình, thời tiết, khí hậu, nguồn nước, môi trường tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên ảnh hưởng thông qua việc phân bố dân cư hay tác động đến các yếu tố kinh tế - xã hội khác của cộng đồng dân cư như: Điều kiện sản xuất, sinh hoạt, phong tục tập quán, trình độ văn hóa, nhận thức, hình thành các thiết chế xã hội khác trong đó có những vấn đề liên quan chặt chẽ đến hôn nhân, trong đó có hủ tục tảo hôn, hôn

nhân cận huyết thống.

Một trong những ảnh hưởng đó thể hiện:

Cư trú chủ yếu ở địa bàn Quảng Bình, địa hình dốc, đất đai manh mún, đồng bào các dân tộc thiểu số chủ yếu sản xuất nương rẫy cần nhiều sức lao động cơ bắp, kinh nghiệm là chính không cần học hành nhiều. Làm theo mùa vụ, thời gian rảnh rỗi nhiều, suy nghĩ đơn giản. Lớn lên lấy vợ lấy chồng sớm để sớm có con cháu, tái sản xuất sức lao động giản đơn. Cái đói, cái nghèo cứ đeo đuổi mãi nên các gia đình cũng hầu như không quan tâm nhiều đến con trẻ, người lớn mãi lo kiếm cái ăn nên lũ trẻ bị bỏ mặc, chúng cứ tự do lớn lên và phải tự đấu tranh để sinh tồn. Chính vì vậy, ngay từ nhỏ các em đã trở thành những người lao động chân tay, không đến trường, sống gàn gũ nhờ vả, giúp đỡ nhau, con trai giúp đỡ con gái những công việc nặng, còn con gái thì giúp đỡ con trai may vá, thêu thùa, sớm nảy sinh tình cảm vì vậy rất dễ xảy ra những sự cố ngoài mong muốn và buộc cha mẹ phải cho kết hôn sớm.

Địa hình đi lại khó khăn, biệt lập nên giao lưu với các bản khác, với vùng khác rất khó khăn, nhất là thời kỳ trước đường sá đi lại rất vất vả, việc trai gái lớn lên chủ yếu tìm hiểu nhau trong bản và các bản gần.

Các tộc Rục, Arem, Mã Liềng trong thời gian dài sống du canh du cư trong rừng sâu, tách biệt với bên ngoài. Việc kết hôn cận huyết thống trong các tộc người này gần như không thể tránh khỏi.

Ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa, xã hội đến tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

Tính biệt lập của các bản làng ngày càng giảm khi điều kiện giao thông ngày càng phát triển, nhưng vẫn còn nhiều bản vùng sâu vùng

⁽⁵⁾Báo cáo tham luận của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Bình: Ý thức tộc người đối với các nhóm Rục, Arem, Mã Liềng, Mày, Sách trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

xa vẫn tương đối biệt lập. Trong thời gian gần đây nhà nước cũng đã đầu tư phát triển giáo dục cho vùng dân tộc thiểu số, nhưng trong một thời gian dài do nhiều yếu tố, nhiều bản vùng sâu vùng xa không có trường học. Mãi đến năm 1995-1997, con em người Mã Liềng định cư ở xã Lâm Hóa, Thanh Hóa mới được đi học. Điều kiện đi lại khó khăn, ít có sự giao lưu với các bộ phận dân cư khác và người Kinh, vì thế trình độ văn hóa, sự hiểu biết của người dân còn thấp, nhất là các bản vùng sâu vùng xa. Tuy đã có được những thành tựu nhất định về phổ cập giáo dục, nhưng đối với vùng dân tộc thiểu số, nhất là ở vùng đặc biệt khó khăn vẫn đang gặp phải các thách thức lớn về chất lượng giáo dục và bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục giữa nhóm dân tộc thiểu số với dân tộc đa số, giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, miền. Đến nay, tình trạng học sinh dân tộc thiểu số không đến trường và bỏ học vẫn tái diễn, tỷ lệ biết chữ ở nhóm dân tộc thiểu số ở Quảng Bình vẫn ở mức thấp và có sự chênh lệch lớn so với nhóm dân tộc Kinh (tỷ lệ không biết tiếng Việt 8,9%; mù chữ 19,8% - theo điều tra của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Bình), tỷ lệ phụ nữ dân tộc thiểu số biết đọc biết viết lại càng thấp hơn. Việc học hiện nay chủ yếu hết bậc phổ thông cơ sở, nhà nước chưa có chính sách hỗ trợ phần lớn học sinh người dân tộc thiểu số học tiếp phổ thông trung học và các bậc học cao hơn hoặc học nghề và học nhưng không có việc làm đã gây “chán học” cho các em. Việc tiếp thu các kiến thức xã hội, đời sống, trong đó có hôn nhân và gia đình do đó bị ảnh hưởng nhiều. Thực tế cho thấy, đối với đồng bào dân tộc thiểu số, trình độ dân trí thấp đã ảnh hưởng lớn đến nhận thức và ý thức pháp luật của họ. Thiếu hiểu biết về hậu quả của tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống là nguyên nhân làm tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết tồn tại dai dẳng trong cộng đồng dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Bình. Chị Hồ Thị Bông ở

bản Bến Đường (xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh) kết hôn với con di ruột, có con bị tật hai chân. Chị cho biết, trước đây chị nghĩ đơn giản con bị tật là “do bẩm sinh”, nhưng “sau này được tuyên truyền chị mới biết nguyên nhân tật nguyên ở con là do kết hôn cận huyết thống”.

Phong tục, tập quán của các dân tộc thiểu số tồn tại và ăn sâu trong nhận thức của người dân từ nhiều đời nay và ảnh hưởng, chi phối mạnh mẽ trong đời sống, sinh hoạt của phần lớn đồng bào các dân tộc thiểu số. Đối với đồng bào dân tộc thiểu số, việc kết hôn chủ yếu theo phong tục, tập quán. Việc lấy vợ, lấy chồng mà chỉ cần sự đồng ý của những người đứng đầu trong làng hoặc của cha mẹ hai bên nam nữ và sự chứng kiến của gia đình, bà con, làng xóm. Luật pháp dần đóng vai trò quan trọng hơn kết hôn, nhưng nhiều cặp vợ chồng không đăng ký kết hôn, thậm chí không biết kết hôn ở đâu, cần những loại giấy tờ gì khi đến Ủy ban nhân dân cấp xã đăng ký kết hôn. Theo điều tra của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Bình có đến 27,43% số người được điều tra không đăng ký kết hôn. Quan niệm kết hôn trong họ tộc để lưu giữ tài sản trong gia đình không mang của cải sang họ khác hay như tục lệ bắt vợ, tục “nói dây”, cưỡng ép hôn nhân vẫn phổ biến trong các bản, làng. Tục của người Vân Kiều trước đây (còn ảnh hưởng đến nay) nhà trai hỏi vợ cho con phải đưa cho nhà gái sinh lễ có giá trị lớn. Những gia đình khó khăn con trai khó lấy được vợ. Nên dẫn đến quan niệm kết hôn trong họ tộc sẽ thách cưới ít hơn và để lưu giữ tài sản trong gia đình dòng họ, sau khi ly hôn hoặc người chồng/vợ chết người kia không mang của cải đi, hoặc chia của cải sang họ khác và quan niệm trong họ hàng lấy nhau, được gia đình, bố mẹ, con cái hai bên đùm bọc, thương yêu, dễ bảo ban nhau hơn...

Ngược lại với người Vân Kiều, tục “bỏ của” của người Ma Coong lại quá đơn giản mang tính tượng trưng, chỉ với món tiền nhỏ,

yêu nhau là có thể trình bố mẹ để lấy nhau. Việc lấy vợ lấy chồng rất nhẹ nhàng, “thủ tục” đơn giản việc thành vợ, thành chồng rất dễ dàng tạo điều kiện quá thuận lợi cho trai gái đến với nhau, nhiều trường hợp không cần đến đăng ký, các gia đình có con chưa đủ tuổi vẫn cho con kết hôn theo phong tục tập quán.

Điều kiện kinh tế khó khăn, thiếu công ăn việc làm, hoạt động kinh tế chủ yếu là nương rẫy có tính chất mùa vụ nên có nhiều thời gian nhàn rỗi dẫn đến yêu đương sớm và kết hôn sớm. Trẻ em thất học, lao động sớm, vì vậy cũng sớm kết hôn để có thêm người lao động, nhà sẽ có thêm người làm nương, làm rẫy, có thêm người gánh vác việc gia đình, việc cưới con dâu về nhà được diễn ra càng sớm lại càng tốt.

Hiện nay, các chính sách của Nhà nước đã hỗ trợ tích cực cho đồng bào trên nhiều lĩnh vực, nhưng cũng đã phát sinh những mặt trái là thúc đẩy các gia đình có xu hướng cho con lấy chồng lấy vợ sớm để được hưởng chính sách, như nhà ở, lương thực...

Hiện nay các phương tiện nghe nhìn phát triển, đặc biệt là điện thoại di động, hầu hết thanh thiếu niên vùng dân tộc thiểu số đều sử dụng điện thoại di động, các trang mạng có nội dung không lành mạnh về tình dục tác động tiêu cực đến các em. Quan hệ tình dục không an toàn trước hôn nhân dẫn đến có thai người ý muốn cũng là lý do dẫn đến kết hôn sớm. Phần lớn thanh thiếu niên khi được hỏi về các biện pháp tránh thai đều cho là không biết.

Quan hệ giữa các yếu tố tự nhiên và xã hội đối với tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số.

Cư trú ở địa bàn vùng rừng núi, đồng bào dân tộc thiểu số khai thác tài nguyên thiên nhiên để sinh sống. Ngược lại, điều kiện tự nhiên cũng có những ảnh hưởng lớn đến cuộc sống, sinh hoạt của đồng bào. Hiện nay, phần lớn các xã đã có đường ô tô đến trung tâm,

nhiều bản có đường giao thông liên bản, điều kiện đi lại giao lưu của đồng bào ngày một thuận lợi. Nhưng trong quá khứ, đường mòn là chủ yếu, đi bộ. Khó khăn về giao thông là một trở lực lớn đối với việc giao lưu với bên ngoài. Trong điều kiện khép kín, các quan niệm lạc hậu, hủ tục đã hình thành và đến nay vẫn tồn tại một số nơi. Một số người vẫn chấp nhận các hủ tục này. Việc tìm hiểu, chuyện tình cảm của trai, gái đến tuổi lấy vợ lấy chồng cũng rất khó khăn. Giáo dục kém phát triển, ít giao lưu với bên ngoài nên nhận thức của đồng bào rất hạn chế. Việc tảo hôn, kết hôn cận huyết thống là nguy hại và trái pháp luật, nhưng do nhận thức về pháp luật kém do đó đến nay một số người vẫn không biết.

Phát triển hạ tầng trong đó có hệ thống đường giao thông, điện lưới... góp phần quan trọng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào. Các phương tiện nghe nhìn cũng hỗ trợ tích cực cho đồng bào nâng cao nhận thức mọi mặt, trong đó có phát triển sản xuất, nhận thức về pháp luật, trong đó có pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Cơ sở hạ tầng, giáo dục, truyền thông, tuyên truyền... trong thời gian qua đã góp phần đẩy lùi các yếu tố tự nhiên, hoang dã bất lợi cho đời sống đồng bào. Các nếp sống văn minh ngày càng có vai trò tích cực, các hủ tục quan niệm lạc hậu dần bị xóa bỏ. Đồng bào, nhất là các cháu học phổ thông cơ sở, phổ thông trung học ngày càng nhận thức được nguyên nhân, hậu quả của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống. Việc kết hôn nội tộc Arem tồn tại lâu nay, dần được thay thế. Trong năm 2017 và các tháng đầu năm 2018, đồng bào Arem ở xã Tân Trạch không có tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống. Nhiều cháu kết hôn với người Ma Coong ở trong xã và xã Thượng Trạch lân cận. Đây là một dấu hiệu đáng mừng, trong nỗ lực xóa bỏ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Bình ■